

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi;
hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với
cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng
và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 3444/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua ban hành Nghị quyết quy định nội dung
chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng
khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng
và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban
Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức
chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần
đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban
Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi;
hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ
Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên
địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (bao gồm cả chính thức và dự
khuyết), Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và
các chức danh tương đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 1).

2. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh,
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt
Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh tương
đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 2)

anh

3. Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; Trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) và các chức danh tương đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 3).

4. Phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; Phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Phó Giám đốc Công an tỉnh; Phó các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; Phó Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Hội: Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Bí thư Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) và các chức danh tương đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 4).

5. Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Phó Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) và các chức danh tương đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 5).

6. Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức danh tương đương (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) (sau đây gọi tắt là đối tượng 6).

7. Thân nhân cán bộ bao gồm: Bố, mẹ đẻ; bố mẹ vợ hoặc chồng; người nuôi dưỡng của bản thân, của vợ hoặc chồng theo xác nhận của cấp có thẩm quyền; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi (sau đây gọi tắt là đối tượng 7).

8. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Căn cứ phân cấp quản lý cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để thực hiện các nội dung chi, mức chi.

anh

2. Áp dụng thống nhất các nội dung chi và mức chi tại Nghị quyết đối với cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ hưu của tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị (cũ) trước khi sắp xếp, tỉnh Quảng Trị (mới) sau sắp xếp và cán bộ đương nhiệm theo các chức danh thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4 và 5 của Nghị quyết. Riêng nội dung chi thăm hỏi, lễ tết chỉ áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu.

3. Cán bộ có nhiều chức danh thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4, 5, 6 quy định tại Điều 2 Nghị quyết chỉ áp dụng chế độ đối với chức danh cao nhất. Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, áp dụng theo chức danh đang giữ tại thời điểm có quyết định nghỉ hưu.

4. Chế độ thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm thực hiện không quá 02 lần/người/năm.

5. Các chế độ quy định tại Nghị quyết (bao gồm chế độ đối với cán bộ và thân nhân cán bộ) không áp dụng đối với cán bộ đã bị kỷ luật bằng hình thức cách chức.

Điều 4. Các nội dung chi, mức chi

1. Cán bộ thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4 và 5 khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra ngoài Đảng bộ tỉnh được thăm hỏi, tặng quà (bao gồm tiền mặt và quà lưu niệm) với mức chi:

- a) Đối tượng 1: 10.000.000 đồng/người;
- b) Đối tượng 2: 8.000.000 đồng/người;
- c) Đối tượng 3: 7.000.000 đồng/người;
- d) Đối tượng 4: 6.000.000 đồng/người;
- e) Đối tượng 5: 5.000.000 đồng/người.

2. Cán bộ đã nghỉ hưu được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, mỗi suất quà bao gồm hiện vật trị giá 700.000 đồng và tiền mặt với mức sau:

- a) Đối tượng 1 và 2: 2.500.000 đồng/người;
- b) Đối tượng 3 và 4: 2.000.000 đồng/người;
- c) Đối tượng 5 và 6: 1.500.000 đồng/người.

3. Chi thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm:

a) Cán bộ khi điều trị tại bệnh viện từ 15 ngày trở lên được thăm hỏi với mức sau:

- Đối tượng 1: 4.000.000 đồng/người/lần;
- Đối tượng 2: 3.500.000 đồng/người/lần;
- Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/người/lần;
- Đối tượng 4: 2.500.000 đồng/người/lần;
- Đối tượng 5: 2.000.000 đồng/người/lần;

anh

Đối tượng 6: 1.500.000 đồng/người/lần.

b) Thân nhân cán bộ (đối tượng 7) điều trị tại bệnh viện từ 15 ngày trở lên được thăm hỏi với mức sau:

Thân nhân cán bộ thuộc đối tượng 1, 2, 3: 2.000.000 đồng/người/lần;

Thân nhân cán bộ thuộc đối tượng 4, 5, 6: 1.000.000 đồng/người/lần.

4. Cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo của Bộ Y tế, tai nạn rủi ro nghiêm trọng phải điều trị dài ngày dẫn đến suy giảm khả năng lao động hoặc mất khả năng lao động được xem xét hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ như sau:

Đối tượng 1: 35.000.000 đồng/người;

Đối tượng 2: 30.000.000 đồng/người;

Đối tượng 3: 25.000.000 đồng/người;

Đối tượng 4: 20.000.000 đồng/người;

Đối tượng 5: 15.000.000 đồng/người;

Đối tượng 6: 10.000.000 đồng/người.

5. Lễ phúng viếng cán bộ và thân nhân cán bộ khi từ trần gồm 01 vòng hoa, dải băng đen (tối đa 1.000.000 đồng/lễ viếng), kèm theo tiền phúng viếng với mức sau:

a) Đối với cán bộ:

Đối tượng 1: 4.000.000 đồng/người;

Đối tượng 2: 3.500.000 đồng/người;

Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/người;

Đối tượng 4: 2.500.000 đồng/người;

Đối tượng 5: 2.000.000 đồng/người;

Đối tượng 6: 1.500.000 đồng/người.

b) Đối với thân nhân cán bộ (đối tượng 7):

Thân nhân của cán bộ thuộc đối tượng 1, 2, 3: 2.000.000 đồng/người;

Thân nhân của cán bộ thuộc đối tượng 4, 5, 6: 1.000.000 đồng/người.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách tỉnh bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

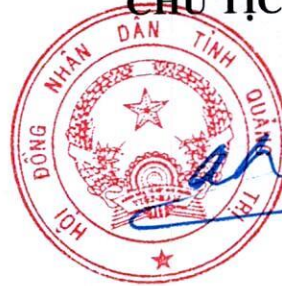
lưu

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

lưu

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang